

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt "Chương trình Phát triển vùng huyện Quan Hoá  
năm tài chính 2017" do tổ chức Tầm nhìn thế giới tài trợ**

**CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện chợ Phi chính phủ nước ngoài; căn cứ Nghị định số 12/2012/NĐ-CP, ngày 01/3/2012 của Chính phủ Về đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Thông báo ngày 07/11/2016 của tổ chức Tầm nhìn thế giới về ngân sách tài trợ cho các chương trình, dự án của tổ chức Tầm nhìn Thế giới trong năm tài chính 2017 tại Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Ngoại vụ tại Tờ trình số 10/TTr-SNgV ngày 03/4/2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phê duyệt Chương trình Phát triển vùng huyện Quan Hoá - năm tài chính 2017 do tổ chức Tầm nhìn thế giới tài trợ, với những nội dung chính sau:**

1. Tên chương trình:

Chương trình Phát triển vùng huyện Quan Hoá - năm tài chính 2017.

2. Cơ quan thực hiện:

- Phía địa phương: UBND huyện Quan Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

- Phía nhà tài trợ: Tổ chức Tầm nhìn thế giới tại Việt Nam.

3. Địa điểm thực hiện:

Tại 04 xã: Phú Thanh, Nam Tiến, Thiên Phú, Hiền Chung, thuộc huyện Quan Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

4. Nguồn tài trợ:

Tổ chức Tầm nhìn thế giới Thụy Sĩ.

5. Mục tiêu của chương trình:

Tăng cường năng lực cho trẻ dễ bị tổn thương, gia đình và cộng đồng để hỗ trợ sự phát triển hướng đến an sinh xã hội của trẻ tại 04 xã dự án thuộc huyện Quan Hóa.

6. Các hoạt động chính của chương trình:

*(Kế hoạch hoạt động và chi tiết kinh phí chương trình ban hành kèm theo Quyết định này).*

7. Kinh phí chương trình năm tài chính 2017 do tổ chức Tầm nhìn thế giới tài trợ: 50.000 USD *(Năm mươi nghìn đô la Mỹ)*.

**Điều 2.** Vật tư, hàng hoá, nhập khẩu hoặc mua trong nước từ nguồn tiền viện trợ của dự án được miễn thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế VAT theo các Quy định hiện hành.

**Điều 3.**

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện Quan Hóa phối hợp với Tổ chức Tầm nhìn Thế giới phân công trách nhiệm các bên liên quan; chỉ đạo các phòng, ban liên quan của huyện và các xã dự án triển khai thực hiện chương trình; chỉ đạo các xã có dự án đóng góp kinh phí, vật tư đối ứng và công lao động tham gia dự án theo cam kết với tổ chức tài trợ; chịu trách nhiệm về quản lý chương trình trên địa bàn huyện; thực hiện các Quy định về quản lý và sử dụng viện trợ theo đúng Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ, đảm bảo kinh phí của dự án được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng theo kế hoạch đã được phê duyệt; định kỳ báo cáo việc thực hiện dự án lên UBND tỉnh và các cơ quan chức năng theo quy định hiện hành.

2. Giao các sở: Ngoại vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Công an tỉnh quản lý dự án theo chức năng nhiệm vụ được giao; đồng thời hỗ trợ Ban Quản lý chương trình huyện Quan Hóa thực hiện dự án theo quy định hiện hành.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Ngoại vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Công an tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Quan Hóa, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 4 QĐ;
- UB Công tác PCPN (b/c)
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Tổ chức Tầm nhìn thế giới;
- Lưu: VT, CN, THKH.

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thị Thìn

**KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM TÀI CHÍNH 2017**  
**CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN VÙNG HUỖN QUAN HÓA**  
 (Kèm theo Quyết định số: 1945/QĐ-UBND ngày 06/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

| Mã số                |   |   |   | Mục tiêu                                                                                                                                     | Chỉ số                                                                                                                      | Quý     | Mục tiêu 6 tháng | Mục tiêu cả năm | Ngân sách | Ngân sách theo huyện và xã |          |           |            |           | Đóng góp của địa phương |
|----------------------|---|---|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------|-----------------|-----------|----------------------------|----------|-----------|------------|-----------|-------------------------|
|                      |   |   |   |                                                                                                                                              |                                                                                                                             |         |                  |                 |           | Huyện                      | Nam Tiến | Thiên Phú | Hiền Chung | Phú Thanh |                         |
| DỰ ÁN Y TẾ - V183781 |   |   |   |                                                                                                                                              |                                                                                                                             |         |                  |                 |           |                            |          |           |            |           |                         |
|                      |   |   |   | Xây dựng năng lực cho cộng đồng cải thiện tình trạng sức khỏe cho trẻ và người dân trong vùng can thiệp                                      | % hộ gia đình báo cáo rằng tình trạng sức khỏe của trẻ được cải thiện                                                       |         |                  | 79,5%           |           |                            |          |           |            |           |                         |
| 3                    | 1 |   |   | Cải thiện tình trạng dinh dưỡng của trẻ từ 0-5 tuổi trong vùng khó khăn                                                                      | % trẻ em từ 0-5 tuổi suy dinh dưỡng                                                                                         |         | 13,9 %           | 13,5%           |           |                            |          |           |            |           |                         |
| 3                    | 1 | 1 |   | Cải thiện năng lực cho y tế thôn bản để quản lý và thực hiện chương trình dinh dưỡng                                                         | Số lượng y tế thôn bản có thể thực hiện truyền thông thay đổi hành vi về dinh dưỡng (tư vấn hộ gia đình, truyền thông nhóm) |         | 0                | 38              |           |                            |          |           |            |           |                         |
| 3                    | 1 | 1 | 1 | Tập huấn cho cán bộ y tế và chủ nhiệm câu lạc bộ dinh dưỡng kỹ năng quản lý nhóm/câu lạc bộ                                                  | nhân viên y tế được tập huấn                                                                                                | Q1      | 70               | 70              | 1,800     | 1,800                      |          |           |            |           |                         |
| 3                    | 1 | 1 | 2 | Tổ chức tập huấn về giám sát hỗ trợ dinh dưỡng cho cán bộ trạm y tế và y tế thôn/bản.<br>Ngân sách: \$ 1,100                                 | Số nhân viên y tế được tập huấn                                                                                             | Q1      | 41               | 41              | 1,100     | 1,100                      |          |           |            |           |                         |
| 3                    | 1 | 1 | 3 | Hỗ trợ y cán bộ y tế xã và y tế thôn/bản tập huấn lại hàng quý về các chủ đề phòng chống các bệnh theo mùa cho bà mẹ và người chăm sóc trẻ . | Số nhân viên y tế được hỗ trợ tập huấn                                                                                      | Q2,,3 4 | 20               | 41              | 1,600     |                            | 500      | 500       | 500        | 500       |                         |
| 3                    | 1 | 1 | 4 | Tiến hành cân đo trẻ và can thiệp                                                                                                            | Số trẻ được cân đo                                                                                                          | Q3      | 0                | 1000            | 1,000     |                            | 500      | 500       | 500        | 500       |                         |
| 3                    | 1 | 1 | 5 | Tổ chức các cuộc họp phản hồi theo quý về các hoạt động của dự án y tế                                                                       | Số người tham gia hội thảo                                                                                                  | Q1,3    | 41               | 41              | 1,000     | 100                        |          |           |            |           |                         |
| 3                    | 1 | 1 | 6 | Hỗ trợ trẻ bị bệnh nặng, suy dinh dưỡng và dễ bị tổn thương                                                                                  | Số trẻ được hỗ trợ                                                                                                          | Q2,3    | 10               | 20              | 2,000     | 2,000                      |          |           |            |           |                         |
|                      |   |   |   | Tổng đầu ra 3.1.1                                                                                                                            |                                                                                                                             |         |                  |                 | 8,500     |                            |          |           |            |           |                         |
| 3                    | 1 | 2 |   | Củng cố và đẩy mạnh hoạt động của câu lạc bộ dinh dưỡng (CLBDD) nhằm chăm sóc trẻ tại các vùng khó khăn tốt hơn                              | Số CLBDD được thành lập và hoạt động hiệu quả                                                                               |         | 31               | 31              |           |                            |          |           |            |           |                         |
| 3                    | 1 | 2 | 1 | Tổ chức tập huấn về phương pháp truyền thông thay đổi hành vi bằng hình thức nghệ thuật cho chủ nhiệm (CNCLBDD)                              | Số người được tập huấn                                                                                                      | Q3      | 0                | 70              | 2,200     | 2,200                      |          |           |            |           |                         |
| 3                    | 1 | 2 | 2 | Hỗ trợ tổ chức các khóa truyền thông thay đổi hành vi theo các chủ đề khác nhau sau khi tập huấn cho CN CLBDD tại 4 xã mục tiêu              | Số người tham gia các khóa truyền thông                                                                                     | Q3,4    | 0                | 800             | 1,600     |                            | 400      | 400       | 400        | 400       |                         |
| 3                    | 1 | 2 | 3 | Tập huấn kỹ thuật chăn nuôi gà lai chọn cho các nhóm chăn nuôi tại xã Nam Tiến                                                               | Số người được tập huấn                                                                                                      | Q3      |                  | 150             | 1,250     |                            | 750      |           |            |           |                         |
| 3                    | 1 | 2 | 4 | Hỗ trợ gà cho các nhóm chăn nuôi trong các câu lạc bộ dinh dưỡng tại xã nam tiến<br>(5 nhóm được hỗ trợ)                                     | Số người được hỗ trợ                                                                                                        | Q3      | 0                | 50              | 4,000     |                            | 2,400    |           |            |           |                         |

|                       |   |   |   |                                                                                                                                  |                                                                    |        |       |      |          |       |      |     |     |     |   |     |
|-----------------------|---|---|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|--------|-------|------|----------|-------|------|-----|-----|-----|---|-----|
| 3                     | 1 | 2 | 6 | Tổ chức hội thảo chuyển giao các mô hình/hoạt động của dự án y tế (CLBDD, các nhóm chăm sóc...)                                  | Số người tham gia hội thảo                                         | Q2, Q3 | 41    | 41   | 1.000    |       |      |     |     |     |   |     |
|                       |   |   |   | Tổng đầu ra 3.1.2                                                                                                                |                                                                    |        |       |      | 10.050   |       |      |     |     |     |   |     |
| 3                     | 1 | 3 |   | Tăng cường kiến thức và kỹ năng cho các bà mẹ, người chăm sóc trẻ và thanh thiếu niên về sức khỏe sinh sản và dinh dưỡng cho trẻ | Số bà mẹ và người chăm sóc trẻ có kiến thức cơ bản về dinh dưỡng   |        | 1750  | 1800 |          |       |      |     |     |     |   |     |
|                       |   |   |   |                                                                                                                                  | Số thanh thiếu niên là nữ có kiến thức cơ bản về sức khỏe sinh sản |        | 1550  | 1600 |          |       |      |     |     |     |   |     |
| 3                     | 1 | 3 | 1 | Tập huấn cho các bà mẹ về chăm sóc dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em trong các CLBDD                                                | Số bà mẹ được tập huấn                                             | Q1     | 70    | 70   | 1.800    | 1.800 |      |     |     |     |   |     |
| 3                     | 1 | 3 | 2 | Tập huấn kiến thức về phục hồi dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ mang thai nhiều lần tại các xã trong vùng mục tiêu     | Số người được tập huấn                                             | Q2     | 120   | 120  | 1.000    |       | 250  | 250 | 250 | 250 |   |     |
| 3                     | 1 | 3 | 3 | Hỗ trợ tài liệu truyền thông (tờ rơi, tranh lật...) về dinh dưỡng cho các CLBDD                                                  | Số bản được hỗ trợ                                                 | Q2     | 0     | 37   | 1.260    | 1.260 |      |     |     |     |   |     |
|                       |   |   |   | Tổng đầu ra 3.1.3                                                                                                                |                                                                    |        |       |      | 4.060    |       |      |     |     |     |   |     |
|                       |   |   |   | Tổng kết quả 3.1                                                                                                                 |                                                                    |        |       |      | 22.610   |       |      |     |     |     |   |     |
| 3                     | 2 |   |   | Cải thiện tình trạng tiếp cận về nước sạch và vệ sinh cho trẻ và gia đình trẻ trong các vùng mục tiêu                            | % người có đủ nước an toàn sử dụng trong cả năm                    |        | 85,0% |      |          |       |      |     |     |     |   |     |
|                       |   |   |   |                                                                                                                                  | % người mắc bệnh liên quan đến nước giảm                           |        |       |      |          |       |      |     |     |     |   |     |
| 3                     | 2 | 1 |   | Cải thiện tiếp cận với nước sạch cho trẻ và gia đình trẻ                                                                         | Số người tại các bản khó khăn được tiếp cận với nước sạch          |        | 1590  | 1650 |          |       |      |     |     |     |   |     |
| 3                     | 2 | 1 | 1 | Tổ chức cuộc thi truyền thông thay đổi hành vi về nước sạch và vệ sinh môi trường tại các xã Nam Tiến, Thiên Phú và Hiền Chung   | Số người tham gia                                                  | Q4     | 0     | 100  | 1.500    | 1.500 |      |     |     |     |   |     |
| 3                     | 2 | 1 | 2 | Xử lý nước và rác thải tại các xã mục tiêu                                                                                       |                                                                    |        |       |      |          |       |      |     |     |     |   |     |
| Nhiệm vụ 1            |   |   |   | Tập huấn TOT về xử lý nước an toàn và rác thải                                                                                   | Số nhân viên y tế được tập huấn                                    | Q1     | 41    | 41   | 1.100    | 1.100 |      |     |     |     |   |     |
| Nhiệm vụ 2            |   |   |   | Tập huấn lại xử lý nước và rác thải cho người dân ở 4 xã mục tiêu                                                                | Số người được tập huấn                                             | Q1     | 250   | 250  | 1.200    |       | 300  | 300 | 300 | 300 |   |     |
| 3                     | 2 | 1 | 5 | Hỗ trợ máy lọc nước cho các trạm y tế                                                                                            | Số trạm được hỗ trợ                                                | Q1     | 0     | 4    | 800      |       | 200  | 200 | 200 | 200 |   |     |
| 3                     | 2 | 1 | 6 | Hỗ trợ hệ thống nước sạch cho bản Ngà xã Nam Tiến (1000 m ống HDPE)                                                              | Số hộ được hưởng lợi                                               | Q2     | 100   | 100  | 1.500    |       | 1500 |     |     |     |   | 500 |
|                       |   |   |   | Tổng đầu ra 3.2.1                                                                                                                |                                                                    |        |       |      | 6.100    |       |      |     |     |     |   |     |
|                       |   |   |   | Tổng kết quả 3.2                                                                                                                 |                                                                    |        |       |      | 6.100    |       |      |     |     |     |   |     |
| Chi phí quản lý dự án |   |   |   |                                                                                                                                  |                                                                    |        |       |      | 14.753   |       |      |     |     |     |   |     |
| Chi phí gián tiếp     |   |   |   |                                                                                                                                  |                                                                    |        |       |      | \$ 6.555 |       |      |     |     |     |   |     |
| Tổng ngân sách dự án  |   |   |   |                                                                                                                                  |                                                                    |        |       |      | 50.000   | 0     | 0    | 0   | 0   | 0   | 0 | 0   |